

Bản án số: 102/2021/DS-PT  
Ngày: 16 - 3 - 2021  
V/v tranh chấp “Đòi tài sản, di  
sản thừa kế”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Thanh Vân.**

*Các Thẩm phán:* Ông **Mai Hoàng Khải.**

Bà **Nguyễn Thị Ánh Phương.**

*Thư ký phiên tòa:* Ông **Lê Văn Giang** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:* Bà **Mai Thị Đào Quyền**  
- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2021/TLPT-DS ngày 05 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp “Đòi tài sản, di sản thừa kế”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 65/2020/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 641/2021/QĐPT-DS ngày 05 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:**

1.1. Bà **Ngô Ngọc Thu Y**, sinh năm 1966;

1.2. Bà **Phan Ngọc Thu A**, sinh năm 1989;

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Mỹ H**, sinh năm 1979. (có mặt)

Địa chỉ: Số 1A Lê Thị Hồng Gấm, phường M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Y:* Ông **Lê Thành Đ** - Luật sư Chi nhánh Văn phòng luật sư B thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt).

**2. Bị đơn:**

Ông **Phan Mộng H**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp P, xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Mộng H : Ông Phan Hoài N , sinh năm 1973; (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 05/10/2020) (có mặt)

Địa chỉ: Số A đường N, phường H, thành phố M , tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà **Nguyễn Thị Ngọc H** , sinh năm 1968. (xin vắng)

Địa chỉ: ấp P , xã P , thành phố M , tỉnh Tiền Giang.

3.2. Bà **Phan Thị Kim Tr** , sinh năm 1947. (xin vắng)

Địa chỉ: ấp P , xã P , thành phố M , tỉnh Tiền Giang.

3.3. Bà **Phan Thị H** , sinh năm 1956. (xin vắng)

Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện C, Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn **Ngô Ngọc Thu Y, Phan Ngọc Thu A**; Bị đơn **Phan Mộng H** .

### NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

*\* Nguyên đơn là bà Ngô Ngọc Thu Y, chị Phan Ngọc Thu A do bà Nguyễn Thị Mỹ H đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Cụ Phan Văn Q (chết tháng 7/2019) và cụ Nguyễn Thị H (chết tháng 5/2019) là cha mẹ của ông Phan Mộng H . Khi còn sống, cụ Q và cụ H có tạo lập diện tích đất 5.950m<sup>2</sup> thuộc thửa số 1921, TBĐ số 2 tọa lạc tại ấp P , xã P , TP. M , Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0018348QSDĐ/PT ngày 20/5/1997. Năm 2000, khi bà Y và ông H ly hôn thì cụ Q và cụ H có cho bà Y và chị A diện tích đất 1.000m<sup>2</sup> theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 126/QĐ-TTLH ngày 23/10/2000 của Tòa án nhân dân huyện C , tỉnh Tiền Giang. Năm 2000, do cụ Q và cụ H chuyển nhượng diện tích 3.000m<sup>2</sup> và thửa đất 1921 bị giảm 32,2m<sup>2</sup> do mở rộng đường M nên diện tích đất còn lại khoảng 2.117,80m<sup>2</sup>.

Ngày 02/2/2015, cụ H lập di chúc cho chị A được hưởng phần đất của cụ H trong diện tích đất còn lại 2.117,80m<sup>2</sup>. Di chúc được lập tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Tiền Giang. Sau khi cụ H chết thì diện tích đất này do cụ Q và ông H quản lý, sử dụng.

Nay bà Y và chị A yêu cầu ông H giao trả phần đất diện tích 1.000m<sup>2</sup> thuộc thửa số 1921 cho bà Y và chị A sử dụng theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 126/QĐ-TTLH ngày 23/10/2000. Yêu cầu nhận bằng hiện vật khi án có hiệu lực pháp luật.

Chị A yêu cầu được nhận thừa kế quyền sử dụng đất theo di chúc của cụ H khoảng 1.058.9m<sup>2</sup> thuộc thửa số 1921 nêu trên.

*\* Bị đơn là ông Phan Mộng H trình bày:*

Lúc còn sống, cụ Q có 3 đời vợ và 2 người con gái ruột là bà Phan Thị Kim Tr và bà Phan Thị H . Cụ H là người vợ thứ 3 sống với cụ Q không có con nên xin ông về nuôi dưỡng từ nhỏ và được pháp luật, gia đình hai bên nội ngoại thừa nhận. Ông được tin tưởng giao phó trách nhiệm hương khói ông bà.

Ông và bà Y kết hôn năm 1986 và có 1 người con là chị Phan Ngọc Thu A, quá trình hôn nhân thì sống chung với cụ Q và cụ H không có tài sản riêng. Năm 2000, ông và bà Y ly hôn, khi hòa giải tại Tòa án nhân dân huyện C thì cụ H có hứa cho bà Y và chị A 1.000m<sup>2</sup> đất vườn, thời điểm đó thì ruộng đất của cụ Q rất nhiều, sau đó do sức khỏe yếu nên bán dần cho đến nay, chỉ còn lại khoảng 3.003,4m<sup>2</sup>. Tất cả tiền bạc do lao động và bán ruộng đất do cụ H nắm giữ, chỉ riêng phần tiền hỗ trợ thu hồi để xây dựng nhà văn hóa xã P thì chia đôi cho cụ H và cụ Quang. Theo ông biết thì đất này có nguồn gốc do ông bà nội của ông để lại.

Sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, bà Y xin cụ H cho ở nhờ trong khoảng 3 năm để lo tiền cất nhà nhưng kéo dài đến 12 năm. Thời gian đó, ông phải đi làm xa và thuê nhà để ở. Khi cụ Q bệnh nặng thì bà Y kêu công chứng viên về nhà lập di chúc giao tài sản cho hai mẹ con quản lý. Cụ Q kêu họp gia đình và thống nhất hủy di chúc, giữ nguyên hiện trạng đất và giao cho ông quản lý. Như vậy, phần đất mà cụ H hứa cho 1.000m<sup>2</sup> thời điểm năm 2000 là gần 6.000m<sup>2</sup> nhưng hiện nay chỉ còn 3.003,4m<sup>2</sup> và còn phải thực hiện di chúc của cụ H nên phần đất còn lại rất ít, trong khi cuộc sống hiện tại của ông phụ thuộc chủ yếu vào mảnh đất này. Ông yêu cầu có một diện tích đất vừa đủ canh tác lo cuộc sống hiện tại và thực hiện nghĩa vụ đối với gia đình.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: Bà là vợ hiện tại của ông Hùng, bà đồng ý với ý kiến của ông Hùng.

2. Bà Phan Thị H trình bày: Bà là con của cụ Q và cụ Đinh Thị T (đã chết). Trước khi sống với cụ T thì cụ Q đã có một đời vợ là cụ Nguyễn Thị C (đã mất) và 1 người con là bà Phan Thị Kim Tr . Sau một thời gian sống chung thì ba má của bà chia tay, bà theo cụ T , còn bà Tr sống chung với cụ Q đến khi trưởng thành. Sau này, cụ Q có thêm một người vợ là cụ H và do không có con nên xin một bé trai đặt tên là Phan Mộng H , khai sinh năm 1968. Khi trưởng thành, ông H kết hôn với bà Y . Năm 2000, thì ly hôn. Mẹ con của bà Y và chị A ở tại nhà của cụ Q và cụ Huỳnh. Lúc đó, đất đai do ông bà nội để lại rất nhiều. Nhưng hiện nay, sau khi cụ Q chết thì diện tích đất vườn chỉ còn lại ½ do Nhà nước thu hồi để xây dựng nhà văn hóa xã P . Trong khi đó, cụ H lập di chúc để lại cho chị A một phần tài sản là đất đai thì tùy thuộc sự xem xét, quyết định của Tòa án.

Riêng phần đất 1.000m<sup>2</sup> mà bà Y đòi chia thì yêu cầu xem xét lại vì nhà thờ, đất hương hỏa phải có người quản lý, cúng giỗ, nếu diện tích đất còn quá ít thì không đảm bảo cuộc sống và cúng giỗ ông bà.

**3. Bà Phan Thị Kim Tr trình bày:**

Cha mẹ của bà là cụ Q và cụ Nguyễn Thị C có 3 người con nhưng đã chết 2 người từ nhỏ, chỉ còn lại mình bà. Sau khi cha mẹ bà ly hôn thì bà sống cùng cụ Q và ông bà nội từ nhỏ đến khi trưởng thành. Đất này có từ thời ông bà nội của bà. Nay bà biết cụ H để lại di chúc cho chị A phần đất, mà theo phong tục ông H mới là người thừa kế, nhưng do quy định pháp luật nên yêu cầu xem xét phần tài sản của cụ H trong số tài sản chung này. Riêng phần đất 1.000m<sup>2</sup> mà chị A đòi thì bà không chấp nhận vì đây là đất đai của ông bà để lại mà chị A giành hết cho mình.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 65/2020/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Ngọc Thu Y và chị Phan Ngọc Thu A.**

- Buộc ông Phan Mộng H giao trả lại cho bà Ngô Ngọc Thu Y, chị Phan Ngọc Thu A phần đất diện tích 889,5m<sup>2</sup> thuộc thửa số 8, TĐĐ số 42 tọa lạc tại ấp P, xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (theo số thứ tự T1, T4, T5 trong Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 24/6/2020). Với tứ cận: Đông giáp kênh Giáo Cát; Tây giáp phần đất được chia của chị A và phần đất còn lại của cụ Phan Văn Q; Nam giáp đường Một Quang; Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn M.

- Ghi nhận bà Y, chị A giao lại phần đất mộ thuộc số thứ tự T2, T3 trong Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 24/6/2020 cho ông H tiếp tục quản lý, sử dụng. Với tứ cận: các hướng Đông, Tây, Nam, Bắc giáp với phần đất được chia cho bà Y, chị An.

**2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Ngọc Thu A.**

- Chia cho chị Phan Ngọc Thu A phần đất diện tích 1.000m<sup>2</sup> thuộc thửa số 7, TĐĐ số 42 và một phần thửa số 8, TĐĐ số 42 tọa lạc tại ấp P, xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (theo số thứ tự T10, T11 trong Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 24/6/2020). Với tứ cận: Đông giáp đất còn lại của cụ Q; Tây giáp đất ông Nguyễn Văn T; Nam giáp đường Một Quang; Bắc giáp đất UBND xã P.

**3. Bà Y, chị A có nghĩa vụ hoàn lại giá trị cây trồng và chi phí san lấp mặt bằng trên đất là 20.075.000 đồng cho ông Hùng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.**

4. Bà Y , chị A được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

\* Ngày 01 tháng 10 năm 2020, bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 65/2020/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố M , tỉnh Tiền Giang.

\* Ngày 05 tháng 10 năm 2020, nguyên đơn Ngô Ngọc Thu Y, Phan Ngọc Thu A có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc bà Y và chị A hoàn trả lại giá trị san lấp và cây trồng trên đất cho ông Phan Mộng H .

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn bà Ngô Ngọc Thu Y và chị Phan Ngọc Thu A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ông H giao trả phần đất diện tích 1.000m<sup>2</sup> theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 126/QĐ-TTLH ngày 23/10/2000 cho bà Y và chị A sử dụng khi án có hiệu lực pháp luật.

- Chị A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được nhận thừa kế quyền sử dụng đất theo di chúc của cụ H là 1.000 m<sup>2</sup> đất thuộc thửa 1921 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0018348QSDĐ/PT ngày 20/5/1997.

- Người kháng cáo Phan Mộng H giữ nguyên kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 65/2020/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố M , tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo Ngô Ngọc Thu Y, Phan Ngọc Thu A rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo, đồng ý với toàn bộ nội dung án sơ thẩm đã tuyên.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự qui định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút kháng cáo của phía nguyên đơn, đình chỉ giải quyết yêu cầu kháng cáo của phía nguyên đơn. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố M , tỉnh Tiền Giang.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ngọc H , Phan Thị Kim Tr , Phan Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Ngô Ngọc Thu Y và chị Phan Ngọc Thu A khởi kiện yêu cầu ông Phan Mộng H giao trả phần đất diện tích 1.000m<sup>2</sup> theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 126/QĐ-TTLH ngày 23/10/2000 cho bà Y và chị A sử dụng khi án có hiệu lực pháp luật; Chị A khởi kiện yêu cầu được nhận thừa kế quyền sử dụng đất theo di chúc của cụ H 1.000 m<sup>2</sup> thuộc thửa 1921 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0018348QSDĐ/PT ngày 20/5/1997 nên án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp “Đòi tài sản, di sản thừa kế” là có căn cứ đúng quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn bà Ngô Ngọc Thu Y và chị Phan Ngọc Thu A với bị đơn ông Phan Mộng H là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của Ngô Ngọc Thu Y, chị Phan Ngọc Thu A và ông Phan Mộng H đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4.1] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Phan Mộng H , Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Xét yêu cầu đòi QSDĐ của bà Y , chị An:

+ Quá trình giải quyết vụ án ly hôn giữa ông Phan Mộng H và bà Ngô Ngọc Thu Y tại TAND huyện C tỉnh Tiền Giang, khi thỏa thuận cho bà Y , chị A 1.000 m<sup>2</sup> đất thuộc thửa 1921 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0018348QSDĐ/PT ngày 20/5/1997 của UBND huyện C (do ông Phan Văn Q đại diện đứng tên) thì có mặt cả ông Quang và bà Huỳnh đồng thuận ký tên. Việc cho tặng QSDĐ nói trên của ông Quang và bà Huỳnh là tự nguyện không trái đạo đức pháp luật. Sau khi thỏa thuận cho đất có đi thẩm định thực tế đo vẽ sơ đồ cụ thể phần diện tích được tặng cho nên đảm bảo tính khả thi. Quyết định thuận tình ly hôn số 126/QĐ-TTLH ngày 23/10/2000 của TAND huyện C , tỉnh Tiền Giang đã có hiệu lực pháp luật và cho đến nay không có một quyết định có hiệu lực nào của cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ nên vẫn có hiệu lực pháp luật. Việc bà Y , chị A tiếp tục cùng canh tác phần đất được tặng cho chung với ông Quang bà Huỳnh trong thời gian dài (hơn 10 năm) không làm mất đi QSDĐ của bà Y , chị A đối với phần đất đã được tặng cho. Do đó án sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện đòi QSDĐ của bà Y , chị A đối với phần đất này là có căn cứ.

- Xét yêu cầu chia di sản thừa kế của chị An:

+ Phần diện tích chị A tranh chấp thừa kế với ông H tọa lạc tại ấp P , xã P , thành phố M , tỉnh Tiền Giang nằm trong tổng số 5.950m<sup>2</sup> thuộc thửa 1921 theo giấy chứng nhận QSDĐ số 0018348QSDĐ/PT của UBND huyện C cấp ngày 20/5/1997 do ông Phan Văn Q đứng tên có nguồn gốc là của ông bà ông Quang để lại. Tuy nhiên theo quy định tại Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 thì “Vợ và chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới”, nên phần diện tích này là tài sản chung của ông Quang bà Huỳnh theo quy định pháp luật.

+ Khi làm đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận QSDĐ người đứng tên xin cũng là ông Phan Văn Q và bà Nguyễn Thị H (Bl 48).

+ Tại tờ di chúc lập ngày 29/5/2012 tại Văn phòng công chứng M (do ông H cung cấp khi nộp đơn kháng cáo), ông Phan Văn Q cũng thể hiện ông là chủ sở hữu chỉ một phần diện tích còn lại thuộc thửa 1921 đang tranh chấp và đồng ý để lại phần này cho ông Phan Mộng H .

+ Tại các lần hòa giải vào ngày 18/6/2020 (Bl 85, 86), ngày 18/8/2020 (Bl 98, 99) ông Hùng, bà Hoàng cũng đồng ý chia di sản của cụ H cho chị A theo di chúc của cụ.

+ Tại phiên tòa đại diện bị đơn cũng đồng ý cho chị A được hưởng thừa kế 1.000 m<sup>2</sup> đất của cụ H để lại.

+ Xác định phần diện tích đất còn lại có tranh chấp thừa kế: thửa 1921 theo giấy chứng nhận QSDĐ số 0018348QSDĐ/PT của UBND huyện C cấp cho ông Phan Văn Q ngày 20/5/1997 có diện tích 5.950 m<sup>2</sup>. Đến năm 2000, ông Quang, bà Huỳnh đồng thuận cho bà Y , chị A 1.000 m<sup>2</sup>. Năm 2012 bị mất do mở rộng đường M 32,2 m<sup>2</sup> (điều chỉnh giấy ngày 30/3/2012). Đến năm 2017 bị thu hồi 2883,5 m<sup>2</sup> làm nhà văn hóa xã theo quyết định số 64 ngày 10/01/2017 của UBND huyện C . Nên phần diện tích thửa 1921 hiện chỉ còn 2034,3 m<sup>2</sup>. Chị A chỉ yêu cầu 1.000 m<sup>2</sup> là phù hợp.

Từ những căn cứ trên, xác định phần diện tích còn lại thuộc thửa 1921 là tài sản chung của cụ Quang, cụ Huỳnh. Di chúc của cụ H lập ngày 02/02/2015 tại phòng công chứng số 01 tỉnh Tiền Giang là hợp pháp, nên yêu cầu chia di sản của chị A theo di chúc của cụ H là có căn cứ.

\* Từ các phân tích trên cho thấy cấp sơ thẩm chấp nhận đơn yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ đúng pháp luật.

[4.2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Ngô Ngọc Thu Y và chị Phan Ngọc Thu A, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa nguyên đơn Ngô Ngọc Thu Y và chị Phan Ngọc Thu A rút toàn bộ kháng cáo là tự nguyện và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ giải quyết yêu cầu kháng cáo của phía nguyên đơn.

[5] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí ông Hùng, bà Y , chị A mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 3 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo của các nguyên đơn Ngô Ngọc Thu Y và Phan Ngọc Thu A; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phan Mộng H , giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 65/2020/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố M , tỉnh Tiền Giang:

- Áp dụng khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, 624, 635, 636, 643, 659 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 100 Luật Đất đai 2013; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí.

**Xử:**

1. Buộc ông Phan Mộng H giao trả lại cho bà Ngô Ngọc Thu Y, chị Phan Ngọc Thu A phần đất diện tích 889,5m<sup>2</sup> thuộc thửa số 8, TĐĐ số 42 tọa lạc tại ấp P , xã P , TP. M , Tiền Giang (theo số thứ tự T1, T4, T5 trong Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 24/6/2020). Với tứ cận: Đông giáp kênh Giáo Cát; Tây giáp phần đất được chia của chị A và phần đất còn lại của cụ Phan Văn Q ; Nam giáp đường Một Quang; Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn Miên.

- Ghi nhận bà Y , chị A giao lại phần đất mộ thuộc số thứ tự T2, T3 trong Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 24/6/2020 cho ông H tiếp tục quản lý, sử dụng. Với tứ cận: các hướng Đông, Tây, Nam, Bắc giáp với phần đất được chia cho bà Y , chị An.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Ngọc Thu A.

- Chia cho chị Phan Ngọc Thu A phần đất diện tích 1.000m<sup>2</sup> thuộc thửa số 7, TĐĐ số 42 và một phần thửa số 8, TĐĐ số 42 tọa lạc tại ấp P , xã P , TP. M , Tiền Giang (theo số thứ tự T10, T11 trong Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 24/6/2020). Với tứ cận: Đông giáp đất còn lại của cụ Quang; Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Tiến; Nam giáp đường Một Quang; Bắc giáp đất UBND xã P .



3. Bà Y , chị A có nghĩa vụ hoàn lại giá trị cây trồng và chi phí san lấp mặt bằng trên đất là 20.075.000 đồng cho ông Hùng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu Thi hành án, mà bà Ngô Ngọc Thu Y, chị Phan Ngọc Thu A chưa thực hiện xong nghĩa vụ bồi hoàn số tiền trên thì hàng tháng bà Ngô Ngọc Thu Y, chị Phan Ngọc Thu A còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

4. Bà Y , chị A được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

5. Về án phí:

Ông H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông H đã nộp theo biên lai thu số 0002030 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M , tỉnh Tiền Giang nên ông H phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Chị A phải chịu 82.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 2.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị A đã nộp theo biên lai thu số 0000799 ngày 13/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M , tỉnh Tiền Giang nên chị A phải nộp tiếp 79.750.000 đồng.

Hoàn lại bà Y , chị A mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0000802, số 0000801 ngày 13/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M , tỉnh Tiền Giang.

Bà Y , chị A mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà Y , chị A đã nộp theo các biên lai tạm ứng án phí phúc thẩm số 0002124 và 0002125 cùng ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M , tỉnh Tiền Giang.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố M ;
- CC THADS thành phố M ;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV &THA (TAT);

Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thanh Vân**